

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. THUYẾT MINH CHUNG

Quyết định số 2805/QĐ-UBND đã tạo cơ sở thực tiễn để hỗ trợ tiền ăn cho học sinh khuyết tật nội trú từ năm học 2015 - 2016. Tuy nhiên, phạm vi, mức hỗ trợ và mô hình cơ sở giáo dục trong Quyết định này cần được chuẩn hóa, cập nhật bằng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để phù hợp với mô hình Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bao quát cả học sinh nội trú và học sinh ăn bán trú, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp chính sách và phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

II. THUYẾT MINH CHI TIẾT NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết - Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, Quyết định số	Phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết - Dự thảo Nghị quyết cập nhật căn cứ pháp lý hiện hành gồm: Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Giáo dục; Luật Người khuyết tật; Luật Cư trú; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-	Thuyết minh - Việc cập nhật căn cứ pháp lý là cần thiết do Quyết định số 2805/QĐ-UBND được ban hành trong bối cảnh pháp luật và mô hình tổ chức cơ sở giáo dục trước đây. - Chính sách mới là chính sách có sử dụng ngân sách địa phương, phạm vi áp dụng rộng hơn và có tính ổn định, lâu dài; do đó cần được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành bằng Nghị quyết để bảo đảm đúng thẩm quyền, hình thức văn bản và cơ sở bố trí kinh phí hằng năm.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>20/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các căn cứ này là cơ sở để tỉnh đã thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh khuyết tật nội trú trong giai đoạn trước. 	<p>BTC; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo vừa kế thừa chính sách đã thực hiện theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, vừa chuẩn hóa đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.
<p>2. Chính sách hiện hành theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh hoạt nội trú tại Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên. - Mức hỗ trợ: 540.000 đồng/học sinh/tháng; số tháng hưởng: 09 tháng/năm học; thời điểm áp dụng từ ngày 01/9/2015. - Học sinh hưởng mức hỗ trợ này thì không hưởng các mức hỗ trợ khác tại địa phương. - Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp dự toán; Sở Tài chính thẩm định, 	<p>Nội dung chính sách trong dự thảo Nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật ở nội trú, học sinh khuyết tật ăn bán trú đang học thực tế tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục được cấp có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập và được phép hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Mức hỗ trợ: 936.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh nội trú; 360.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh ăn bán trú; thời gian hỗ trợ tối đa 09 tháng/năm học. 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Nghị quyết không đặt ra chính sách hoàn toàn mới, mà kế thừa chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật đã được thực hiện theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND; đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số nội dung nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, mô hình tổ chức cơ sở giáo dục và yêu cầu thực tiễn trên địa bàn tỉnh. - So với Quyết định số 2805/QĐ-UBND, dự thảo Nghị quyết có một số điểm mới chủ yếu: cập nhật tên gọi, mô hình cơ sở giáo dục theo hướng Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; bổ sung đối tượng học sinh khuyết tật ăn bán trú; mở rộng phạm vi áp dụng đối với Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập và tư thục đủ điều kiện theo quy định; điều chỉnh mức hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật ở nội trú từ 540.000

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; kinh phí phải quản lý, sử dụng đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định.</p>		<p>đồng lên 936.000 đồng/học sinh/tháng và quy định mức hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật ăn bán trú là 360.000 đồng/học sinh/tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức hỗ trợ 936.000 đồng/học sinh/tháng và 360.000 đồng/học sinh/tháng được xây dựng trên cơ sở tham chiếu, vận dụng mức hưởng chính sách quy định tại Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh, học viên bán trú là 936.000 đồng/tháng và mức hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ bán trú là 360.000 đồng/tháng. Việc lựa chọn các mức hỗ trợ này làm căn cứ xây dựng chính sách của địa phương bảo đảm có cơ sở pháp lý, phù hợp mặt bằng chính sách hỗ trợ tiền ăn trong lĩnh vực giáo dục và phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương. - Việc điều chỉnh, bổ sung chính sách nêu trên là cần thiết, nhằm góp phần bảo đảm bữa ăn, chăm sóc sức khỏe, duy trì tỷ lệ chuyên cần, hỗ trợ phục hồi chức năng và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học tập, hòa nhập; đồng thời bảo đảm chính sách được thực hiện công khai, minh

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		bach, đúng đối tượng, không trùng lặp và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.
3. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND chỉ điều chỉnh việc hỗ trợ tiền ăn cho học sinh khuyết tật nội trú tại Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên. - Chính sách cũ chưa bao quát mô hình Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và chưa quy định hỗ trợ đối với học sinh ăn bán trú. 	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật ở nội trú, học sinh khuyết tật ăn bán trú đang học thực tế tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục được cấp có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập và được phép hoạt động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 	Thuyết minh <ul style="list-style-type: none"> - Việc quy định phạm vi điều chỉnh như dự thảo nhằm xác định rõ Nghị quyết chỉ điều chỉnh nội dung hỗ trợ tiền ăn, không mở rộng sang học phí, chi phí học tập, đồ dùng học tập hoặc khoản chi khác. - Phạm vi mới khắc phục hạn chế của Quyết định số 2805/QĐ-UBND khi chính sách cũ chỉ gắn với một cơ sở giáo dục và một hình thức nội trú. - Việc bao quát cả Trung tâm công lập và tư thục đủ điều kiện bảo đảm bình đẳng trong thụ hưởng chính sách theo nhu cầu thực tế của học sinh khuyết tật, đồng thời vẫn có điều kiện quản lý chặt chẽ thông qua yêu cầu cơ sở phải được thành lập hoặc cho phép thành lập, được phép hoạt động theo quy định.
4. Điều 2. Đối tượng áp dụng <ul style="list-style-type: none"> - Theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, đối tượng trực tiếp là học sinh khuyết tật không thuộc hộ 	Điều 2. Đối tượng áp dụng <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khuyết tật có đăng ký thường trú tại tỉnh Thái Nguyên, ở nội trú hoặc ăn bán trú và đang học thực tế tại Trung 	Thuyết minh <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo xác định đầy đủ 03 nhóm đối tượng: người thụ hưởng chính sách, cơ sở giáo dục tổ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>nghèo, hộ cận nghèo đang sinh hoạt nội trú tại trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan thực hiện gồm Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi và tổ chức, cá nhân liên quan. 	<p>tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục được cấp có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập và được phép hoạt động trên địa bàn tỉnh, có học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách. - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, thẩm định, cấp phát, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán, kiểm tra và giám sát kinh phí hỗ trợ. 	<p>chức thực hiện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý ngân sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện học sinh có đăng ký thường trú tại tỉnh Thái Nguyên giúp xác định rõ trách nhiệm ngân sách địa phương và phạm vi thụ hưởng trên địa bàn tỉnh. - Dự thảo không tiếp tục giới hạn đối tượng ở nhóm “không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo” như Quyết định số 2805/QĐ-UBND mà xử lý bằng nguyên tắc không trùng lặp chính sách tại Điều 4. Cách tiếp cận này phù hợp hơn vì học sinh khuyết tật có thể thuộc nhiều chính sách khác nhau; trường hợp cùng nội dung hỗ trợ tiền ăn thì chỉ hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.
<p>5. Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND chưa có điều khoản giải thích từ ngữ về học sinh khuyết tật, nội trú, bán trú hoặc tháng học thực tế. - Trong quá trình thực hiện, việc xác định học sinh đang sinh hoạt 	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khuyết tật là học sinh có giấy xác nhận mức độ khuyết tật hoặc giấy tờ hợp pháp khác xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật. - Học sinh khuyết tật ở nội trú là học sinh đang học thực tế, đồng thời ở, sinh hoạt và ăn các bữa ăn trong ngày tại Trung tâm 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều khoản giải thích từ ngữ là cần thiết vì dự thảo mở rộng từ một nhóm “nội trú” sang hai nhóm “nội trú” và “bán trú”. Nếu không giải thích rõ, quá trình lập danh sách, thanh quyết toán và kiểm tra có thể phát sinh cách hiểu khác nhau.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>nội trú chủ yếu căn cứ vào thực tế quản lý của nhà trường.</p>	<p>theo hình thức nội trú, có tên trong danh sách quản lý nội trú của Trung tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khuyết tật ăn bán trú là học sinh đang học thực tế và ăn bữa trưa tại Trung tâm trong ngày học theo hình thức bán trú, không ở lại theo hình thức nội trú. - Tháng học thực tế là tháng học sinh có thời gian học tập, sinh hoạt, ăn nội trú hoặc ăn bán trú tại Trung tâm theo kế hoạch giáo dục của Trung tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm “học sinh khuyết tật” bám theo hồ sơ, giấy tờ hợp pháp theo pháp luật về người khuyết tật, bảo đảm có căn cứ xác minh. - Khái niệm “nội trú” và “ăn bán trú” được gắn với việc học thực tế, ăn thực tế và danh sách quản lý của Trung tâm, giúp phân biệt với trường hợp học sinh ở ngoài Trung tâm hoặc không ăn tại Trung tâm. - Khái niệm “tháng học thực tế” là căn cứ để giới hạn thời gian hỗ trợ, lập dự toán và quyết toán theo năm học.
<p>6. Điều 4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND quy định học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đang sinh hoạt nội trú tại trường; học sinh đang hưởng hỗ trợ thì không hưởng các mức hỗ trợ khác tại địa phương. - Quyết định chưa quy định chi tiết về hồ sơ học sinh, danh sách nội trú/bán trú, điều kiện ăn thực tế 	<p>Điều 4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh phải thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2; có giấy xác nhận mức độ khuyết tật hoặc giấy tờ hợp pháp khác xác nhận khuyết tật; có hồ sơ người học do Trung tâm lập, quản lý. - Đang học thực tế tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thục trên địa bàn tỉnh, có tên trong danh sách học sinh ở nội trú hoặc danh sách 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện hưởng hỗ trợ được thiết kế theo hướng chặt chẽ, đủ căn cứ kiểm tra nhưng không tạo thêm thủ tục không cần thiết cho gia đình học sinh. - Các điều kiện đều gắn với hồ sơ hiện có của Trung tâm, gồm hồ sơ người học, giấy xác nhận khuyết tật, danh sách học sinh nội trú hoặc ăn bán trú và xác nhận học thực tế, ăn thực tế. - Nguyên tắc không hưởng trùng cùng nội dung từ ngân sách nhà nước kế thừa tinh thần của Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>tại Trung tâm và nguyên tắc xử lý khi đồng thời thuộc nhiều chính sách hỗ trợ tiền ăn.</p>	<p>học sinh ăn bán trú do Trung tâm lập, quản lý, theo dõi và xác nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nội trú phải thực tế ở, sinh hoạt và ăn tại Trung tâm theo hình thức nội trú; học sinh ăn bán trú phải thực tế học tập và ăn bữa trưa tại Trung tâm, không ở lại theo hình thức nội trú. - Không đang hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn khác có cùng nội dung từ ngân sách nhà nước trong cùng thời gian học thực tế tại Trung tâm; nếu đồng thời thuộc nhiều chính sách hỗ trợ tiền ăn thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất. 	<p>định số 2805/QĐ-UBND nhưng được diễn đạt đầy đủ hơn, phù hợp tình huống học sinh đồng thời thuộc nhiều chính sách khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định “chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất” vừa bảo đảm quyền lợi cho học sinh, vừa phòng ngừa chi trùng ngân sách.
<p>7. Điều 5. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND hỗ trợ 540.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh hoạt nội trú tại trường; thời gian hưởng 09 tháng/năm học. 	<p>Điều 5. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với học sinh khuyết tật ở nội trú: hỗ trợ tiền ăn mức 936.000 đồng/học sinh/tháng. - Đối với học sinh khuyết tật ăn bán trú: hỗ trợ tiền ăn trưa mức 360.000 đồng/học sinh/tháng. 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức hỗ trợ 936.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh nội trú cao hơn mức 540.000 đồng/học sinh/tháng theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND là 396.000 đồng/học sinh/tháng. Việc điều chỉnh này phản ánh biến động chi phí bữa ăn và nhu cầu chăm sóc đặc thù của học sinh khuyết tật trong điều kiện hiện nay.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 2805 không có mức hỗ trợ riêng cho học sinh ăn bán trú. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế tại Trung tâm, nhưng không quá 09 tháng/năm học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức 360.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh ăn bán trú được thiết kế riêng cho nhu cầu hỗ trợ bữa trưa, phù hợp với tính chất bán trú, thấp hơn mức nội trú vì học sinh không ở, sinh hoạt và ăn các bữa trong ngày tại Trung tâm. - Quy định tối đa 09 tháng/năm học kế thừa chính sách tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND, phù hợp chu kỳ năm học, thuận lợi cho lập dự toán, phân bổ, thanh toán và quyết toán ngân sách. - Công thức dự kiến kinh phí hằng năm: Kinh phí = (số học sinh nội trú đủ điều kiện x 936.000 đồng x số tháng học thực tế) + (số học sinh ăn bán trú đủ điều kiện x 360.000 đồng x số tháng học thực tế), trong đó số tháng hỗ trợ tối đa là 09 tháng/năm học.
<p>8. Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND giao Sở Giáo dục và Đào tạo hằng năm tổng hợp vào dự toán ngân sách của ngành, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, báo 	<p>Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định nguồn kinh phí như dự thảo kế thừa cơ chế lập dự toán theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của ngân sách tỉnh đối với chính sách đặc thù của địa phương. - Việc bố trí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm phù hợp tính chất chính

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<p>cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hỗ trợ phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành. 		<p>sách, bảo đảm có cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các Trung tâm, thẩm định, phân bổ, thanh toán và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan soạn thảo cần cập nhật số lượng học sinh nội trú, ăn bán trú dự kiến thụ hưởng để làm rõ tổng kinh phí, trong đó tách riêng phần chi kế thừa mức 540.000 đồng, phần tăng thêm đối với học sinh nội trú và phần phát sinh mới đối với học sinh ăn bán trú hoặc nhóm đối tượng mở rộng.
<p>9. Điều 7. Tổ chức thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi thực hiện hỗ trợ tiền ăn; các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định. 	<p>Điều 7. Tổ chức thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. - Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 	<p>Thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát ở cấp Nghị quyết, bảo đảm sau khi ban hành có cơ sở để UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương và Trung tâm triển khai thống nhất. - Cơ chế giám sát của HĐND tỉnh giúp bảo đảm chính sách thực hiện đúng đối tượng, đúng mức, đúng thời gian, không trùng lặp và không bỏ sót học sinh đủ điều kiện.
<p>10. Điều 8. Điều khoản thi hành</p>	<p>Điều 8. Điều khoản thi hành</p>	<p>Thuyết minh</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH/QUYẾT ĐỊNH 2805/QĐ-UBND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2805/QĐ-UBND áp dụng từ ngày 01/9/2015 và quy định học sinh hưởng hỗ trợ theo Quyết định này không hưởng các mức hỗ trợ khác tại địa phương. - Khi Nghị quyết mới được ban hành, cần xử lý quan hệ giữa chính sách mới và nội dung hỗ trợ tiền ăn theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND để tránh chi trả song song hai mức hỗ trợ đối với cùng đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. - Chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết được áp dụng từ năm học 2026 - 2027. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm hiệu lực từ ngày 01/9/2026 phù hợp thời điểm bắt đầu năm học mới, thuận lợi cho việc rà soát học sinh, lập dự toán, bố trí kinh phí và tổ chức bữa ăn hoặc hỗ trợ tiền ăn theo danh sách được phê duyệt. - Để bảo đảm chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp và quản lý ngân sách, cần có quy định hoặc văn bản chỉ đạo rõ việc từ thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thì nội dung hỗ trợ tiền ăn theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND đối với cùng đối tượng được thực hiện theo Nghị quyết mới; không chi trả trùng lặp. - Trường hợp học sinh đã được hưởng mức 540.000 đồng/học sinh/tháng theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, kể từ năm học 2026 - 2027 thực hiện theo mức hỗ trợ mới nếu đáp ứng đủ điều kiện theo Nghị quyết.